

NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN VỀ SỰ ỦNG HỘ CỦA CHA MẸ ĐỐI VỚI TÍNH TỰ CHỦ CỦA CON: NGHIÊN CỨU TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đặng Thị Kim Anh,
Nguyễn Thị Nhung*

Trường Đại học Tôn Đức Thắng
+Tác giả liên hệ • Email: nguyenthinhung1@tdtu.edu.vn

Article history

Received: 04/01/2025

Accepted: 19/02/2025

Published: 05/4/2025

Keywords

Parental support, child autonomy, Perceived Parental Autonomy Support Scale (P-PASS), students, Ho Chi Minh City

ABSTRACT

Autonomy is a basic human psychological need and is an important factor in achieving happiness, motivation and effectiveness in life. Therefore, parental support for child autonomy is critically important. The study surveyed parental support for their children's autonomy, using the P-PASS scale on 343 students from several universities in Ho Chi Minh City. The results indicate that parents are more inclined to supporting their children's autonomy than exerting psychological control. Regarding autonomy-supportive parenting styles among both fathers and mothers, allowing children to have choices within set boundaries was rated highest, followed by providing explanations for demands and limits, and lastly, acknowledging the children's feelings. In terms of psychologically controlling parenting, which includes methods like punishment threats, guilt-inducing criticism, and performance pressure, both mothers and fathers tend to exert performance pressure on their children; mothers are more likely to employ guilt-inducing criticism, whereas fathers are more inclined to use punishment threats. The research findings open up perspectives on parenting methods and encourage autonomy, contributing to student success and happiness.

1. Mở đầu

Theo lý thuyết về Quyền tự quyết, bên cạnh năng lực và mối quan hệ với người khác, “tự chủ” là một trong ba nhu cầu tâm lý cơ bản của con người, góp phần quyết định động lực và hạnh phúc của cá nhân (Šakan et al., 2020). Quyền tự chủ bao hàm các khía cạnh ý chí và việc bố trí hành vi dựa trên các hoạt động được định hướng với ý thức tích hợp về bản thân và trong đó mọi người nhận thức rằng họ có khả năng lựa chọn và kiểm soát một số hậu quả; năng lực được định nghĩa là nhận thức về cảm giác có khả năng khi thực hiện nhiệm vụ của mình; và mối quan hệ với những người khác, đề cập đến nhu cầu của mọi người được tham gia một cách có ý nghĩa với những người khác và cảm thấy mình là một phần của một nhóm (Ryan & Deci, 2000). Việc thỏa mãn các nhu cầu cơ bản này là điều kiện cần để quá trình “thúc đẩy” động lực thành công (Ryan & Deci, 2020). Một số nghiên cứu cũng chỉ ra rằng những cá nhân có mức độ tự chủ cao hơn có thể có những mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau quan trọng với những người khác hoặc các nhóm xã hội (Ryan, 2005), có sức khỏe tâm lý tốt hơn ở nhiều quốc gia có nền văn hóa đa dạng (dẫn theo Saib et al., 2024) và hơn nữa, chỉ có quyền tự chủ được cho là có thể dự đoán được mức độ hạnh phúc (Van Petegem et al., 2013).

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến tính tự chủ. Lý thuyết quyền Tự quyết đề xuất rằng phong cách hỗ trợ quyền tự chủ giữa các cá nhân được coi là yếu tố xã hội trung tâm để phát triển động lực tự quyết ở học sinh (Zamzami & Corinne, 2019), trong đó việc sự ủng hộ quyền tự chủ của cha mẹ đối với con có ý nghĩa quan trọng để hình thành tính tự chủ ở trẻ. Phân tích tổng hợp của Vasquez và cộng sự (2016) đã phát hiện ra rằng, sự ủng hộ tính tự chủ của cha mẹ có liên quan đến việc hình thành động lực tự chủ, sức khỏe tâm lý, ý thức về năng lực, sự hài lòng trong cuộc sống và kết quả học tập của trẻ. Sự ủng hộ tính tự chủ của cha mẹ cũng có mối liên hệ tích cực với sức khỏe của trẻ (Chirkov & Ryan, 2001) và với kỹ năng điều tiết cảm xúc (Roth et al., 2009). Do đó, nghiên cứu về sự ủng hộ quyền tự chủ của cha mẹ có ý nghĩa đặc biệt trong việc nâng cao sự thỏa mãn tính tự chủ của con. Tuy nhiên ở Việt Nam hiện nay, các nghiên cứu về chủ đề này còn hạn chế. Bài báo phân tích sự ủng hộ của cha mẹ với tính tự chủ của con dựa trên kết quả nghiên cứu sự nhận thức của sinh viên (SV) tại TP. Hồ Chí Minh.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái niệm sự ủng hộ tính tự chủ (autonomy support) và kiểm soát tâm lý (psychological control) của cha mẹ

Theo Grolnick và Pomerantz (2009), phong cách nuôi dạy con ủng hộ tính tự chủ được hiểu là cha mẹ “chấp nhận sự chủ động, cho phép trẻ tự giải quyết vấn đề và dựa trên quan điểm của trẻ”, trong khi phong cách nuôi dạy con kiểm

soát có đặc điểm “ép buộc con phải đáp ứng những yêu cầu, giải quyết vấn đề cho trẻ em nhìn từ góc độ của cha mẹ hơn là của trẻ em”. Trong các nghiên cứu trước đây, sự ủng hộ tính tự chủ thường được tìm hiểu cùng với cấu trúc kiểm soát tâm lý, trong đó “kiểm soát tâm lý” được hiểu là “cha mẹ cố gắng thao túng ý chí, gây ra cảm giác tội lỗi, sự xấu hổ và đe dọa hình phạt hoặc rút lui tình yêu” (Barber, 1996). Ngược lại, sự ủng hộ tính tự chủ được thể hiện thông qua việc không kiểm soát tâm lý. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng, ủng hộ tính tự chủ và kiểm soát tâm lý là hai khái niệm có mối tương quan chứ không phải là các cực đối lập của cùng một cấu trúc. Một môi trường có mức độ ủng hộ tính tự chủ thấp sẽ không tự động có mức độ kiểm soát cao và ngược lại, một môi trường có mức độ kiểm soát thấp sẽ không hỗ trợ tính tự chủ cao một cách tự động (Van der Kaap-Deeder et al., 2017).

Về cấu trúc của sự ủng hộ tính tự chủ và kiểm soát tâm lý, Mageau và cộng sự đã đề xuất sự ủng hộ tính tự chủ gồm ba khía cạnh: (1) Công nhận các cảm nhận của con; (2) Đưa ra những lí giải hợp lí về yêu cầu và giới hạn; (3) Cung cấp lựa chọn có giới hạn. Khía cạnh công nhận những cảm nhận của con được hiểu là bố mẹ nhận ra và chấp nhận cảm xúc của con, đặt mình vào vị trí của con để hiểu cảm nhận của chúng. Đối với khía cạnh đưa ra những lí giải hợp lí về yêu cầu và giới hạn, bố mẹ luôn muốn con hiểu lí do thực sự của những yêu cầu, quy định hay cấm đoán. Khía cạnh cung cấp lựa chọn có giới hạn, bất cứ khi nào có thể, bố mẹ đều tạo cơ hội cho con được lựa chọn, quyết định những việc liên quan đến bản thân chúng trong giới hạn nhất định. Ngược lại, sự kiểm soát tính tâm lý gồm ba khía cạnh: (1) Đe dọa trừng phạt; (2) Chỉ trích gây cảm giác có lỗi; (3) Gây áp lực về thành tích. Khía cạnh đe dọa trừng phạt được hiểu là cha mẹ tạo bầu không khí sợ hãi, lo lắng nhằm ép buộc con tuân theo ý muốn của mình. Chỉ trích tạo cảm giác tội lỗi được hiểu là một trong những cách mà cha mẹ rút lại tình yêu sau những hành vi của con mà cha mẹ cho là không đúng mực. Cuối cùng, gây áp lực thành tích là một trong những cách cha mẹ thể hiện tình yêu có điều kiện đối với con bằng cách yêu cầu con phải đạt được thành công nhất định (Mageau et al., 2015).

2.2. Khái quát chung về khảo sát

Nghiên cứu được tiến hành trên 343 SV của 4 trường đại học tại TP. Hồ Chí Minh, gồm: 181 SV Trường Đại học Tôn Đức Thắng (52.8%); 38 SV Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (11.1%); 48 SV Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh (14.0%); 76 SV Trường Đại học Văn Lang (22.2%). Trong đó, nam chiếm 37.0%, nữ chiếm 61.8%, và 1.2% là giới tính khác. Tỷ lệ SV đến từ thành phố là 57.7%, nông thôn 40.8% và đến từ vùng núi, hải đảo 1.5%. Nghề nghiệp của cha chủ yếu là kinh doanh buôn bán (39.1%), tiếp đến là công việc tự do (20.1%), nông dân, công nhân (15.7%), cán bộ, công chức, viên chức (14.9%), nhân viên văn phòng (5.8%), không có việc làm (4.4%). Trình độ học vấn của cha phần lớn là tốt nghiệp THPT (65.9%), tiếp đến là trình độ đại học (29.2%), trình độ thạc sĩ là 4.4% và tiến sĩ là 0.6%. Tương tự, nghề nghiệp của mẹ chiếm tỷ lệ lớn là kinh doanh buôn bán (39.1%), tiếp đến là công việc tự do (20.1%), nông dân, công nhân (15.7%), cán bộ, công chức, viên chức (14.9%), nhân viên văn phòng (5.8%), không có việc làm (4.4%). Học vấn của mẹ chiếm tỷ lệ lớn nhất là tốt nghiệp THPT (71.1%), đại học (26.2%), thạc sĩ (1.7%) và tiến sĩ (0.9%).

Nghiên cứu sử dụng thang đo Nhận thức Sự ủng hộ của cha mẹ đối với Tính tự chủ (Perceived Parental Autonomy Support Scale, P-PASS) do Mageau và cộng sự (2015) xây dựng nhằm đo lường nhận thức của con về sự ủng hộ tính tự chủ của cha mẹ với hai khía cạnh: ủng hộ tính tự chủ và kiểm soát tâm lý. Các item trong thang đo về sự ủng hộ tính tự chủ giữa bố và mẹ được đánh giá một cách riêng biệt. Thang đo gồm 24 item tương ứng với 24 câu mô tả về cách nuôi dạy con của bố và mẹ mà cá nhân nhận thức được. Các item này được chia vào một trong hai tiểu thang ủng hộ tính tự chủ và kiểm soát tâm lý. Tuy nhiên các tác giả xây dựng thang đo cũng sắp xếp các item này thành các nhóm tương ứng với các cách nuôi dạy con cụ thể bao gồm cho phép lựa chọn có giới hạn, lí giải về yêu cầu và giới hạn, công nhận các cảm nhận, đe dọa trừng phạt, chỉ trích gây cảm giác tội lỗi và gây áp lực về thành tích. Ở thang đo gốc, các khách thể được đánh giá theo thang đo Likert 7 điểm, từ 1 (hoàn toàn không đồng ý) đến 7 (hoàn toàn đồng ý). Tuy nhiên, ở nghiên cứu này, để thuận tiện cho việc phân tích, đánh giá, các khách thể được yêu cầu đánh giá mức độ chính xác của các item thang điểm Likert 5 mức từ 1 đến 5, cụ thể: Hoàn toàn không đồng ý = 1; Không đồng ý = 2; Đồng ý một phần = 3; Đồng ý = 4; Hoàn toàn đồng ý = 5. Giá trị các mức độ = (giá trị lớn nhất - giá trị nhỏ nhất)/số lượng các mức độ = (5-1)/5 = 0,8. Do đó, ý nghĩa các mức độ được phân chia như sau: 1,00-1,8: Hoàn toàn không đồng ý; 1,81-2,6: Không đồng ý; 2,61-3,4: Đồng ý một phần; 3,41-4,2: Đồng ý; 4,21-5,0: Hoàn toàn đồng ý. Mức độ tin cậy của thang đo cao với hệ số Cronbach's Alpha là 0.917.

Việc điều tra bằng bảng hỏi được tiến hành từ tháng 7 đến tháng 9/2024. Các khách thể tham gia nghiên cứu một cách tự nguyện bằng cách trả lời một bảng câu hỏi được biên soạn trên công cụ Google Forms gửi đến SV thông qua các giảng viên đang giảng dạy tại các trường đại học tham gia nghiên cứu. (https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSduJn1cJVXz5WMLYhfgd3_UbD4ckCSAPXYDPT0W_vKdD4ew/viewform?usp=sf_link). Số liệu

khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0 để tính điểm trung bình (ĐTB); độ lệch chuẩn (ĐLC); kiểm nghiệm khác biệt ý nghĩa Anova.

2.3. Kết quả khảo sát

2.3.1. Đánh giá chung nhận thức của sinh viên về sự ủng hộ của cha mẹ đối với tính tự chủ của con

Kết quả phân tích thống kê mô tả ở bảng 1 cho thấy, SV cho rằng cả bố và mẹ đều ủng hộ tính tự chủ của con (ĐTB = 3.70 và 3.63) và đồng ý một phần nào đó rằng bố và mẹ kiểm soát tâm lý (ĐTB = 2.76 và 2.67). Một điều đáng lưu ý là giá trị trung bình mức độ ủng hộ tính tự chủ của con ở cả bố và mẹ đều cao hơn so với mức độ kiểm soát tâm lý (ĐTB= 3.70 so với 2.76 và ĐTB= 3.63 so với 2.67) và không có sự khác biệt quá lớn về giá trị trung bình giữa các chỉ số này của bố và mẹ. Đây là kết quả khả quan cho thấy trong cách nuôi dạy con, bố mẹ đã có xu hướng ủng hộ tính tự chủ của con nhiều hơn là kiểm soát tâm lý. Để làm rõ hơn về xu hướng này, chúng tôi đi sâu phân tích từng khía cạnh cụ thể của ủng hộ tính tự chủ và kiểm soát tâm lý của cha mẹ.

Bảng 1. Thống kê mô tả mức độ ủng hộ của cha mẹ đối với tính tự chủ của con

Nội dung	Mẹ		Bố	
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Ủng hộ tính tự chủ	3.70	0.752	3.63	0.773
Kiểm soát tâm lý	2.76	0.917	2.67	0.852

2.3.2. Sự ủng hộ tính tự chủ của cha mẹ đối với con

Bảng 2. Thống kê mô tả sự ủng hộ tính tự chủ của cha mẹ đối với con

Nội dung	Mẹ		Cha	
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Lựa chọn có giới hạn	3.93	0.787	3.81	0.910
Cha mẹ cho tôi nhiều cơ hội để tự mình đưa ra những quyết định về việc của tôi	4.03	0.941	3.90	1.031
Cha mẹ coi trọng quan điểm của tôi khi cha mẹ đưa ra những quyết định quan trọng liên quan đến tôi	3.74	1.063	3.63	1.119
Cha mẹ cho phép tôi tự do lựa chọn việc mà tôi muốn làm trong những giới hạn nhất định	4.09	0.934	3.97	1.037
Cha mẹ ủng hộ tôi đưa ra những lựa chọn phù hợp với sở thích và mong muốn của tôi dù cha mẹ có những mong muốn khác	3.87	0.996	3.74	1.087
Lí giải về yêu cầu và giới hạn	3.66	0.779	3.59	0.916
Khi yêu cầu tôi làm điều gì đó, cha mẹ thường giải thích tại sao cha mẹ muốn tôi làm vậy	3.61	1.073	3.64	1.107
Khi tôi không được cha mẹ cho phép làm gì đó, tôi thường được cha mẹ cho biết lí do tại sao	3.71	1.026	3.61	1.065
Cha mẹ luôn muốn tôi hiểu lí do tại sao cha mẹ lại cấm đoán tôi một số việc	3.71	0.963	3.60	1.046
Khi tôi hỏi tại sao tôi phải làm hay không làm gì đó, Cha mẹ cho tôi biết những lí do thực sự	3.59	1.013	3.52	1.086
Chấp nhận các cảm nhận	3.52	0.940	3.49	0.967
Cha mẹ khuyến khích tôi sống là chính mình	3.88	1.066	3.85	1.016
Cha mẹ có thể đặt mình vào vị trí của tôi và hiểu được cảm nhận của tôi	3.23	1.098	3.14	1.175
Cha mẹ cởi mở với những cảm nhận và suy nghĩ của tôi ngay cả khi chúng khác với cảm nhận và suy nghĩ của cha mẹ	3.48	1.129	3.47	1.154
Cha mẹ lắng nghe quan điểm của tôi khi tôi không đồng tình với cha mẹ	3.51	1.113	3.51	1.162

Kết quả khảo sát ở bảng 2 cho thấy, đối với cách nuôi dạy con có sự ủng hộ tính tự chủ, ở cả cha và mẹ, cho phép con có cơ hội được lựa chọn trong giới hạn cho phép là cách nuôi dạy con có giá trị trung bình cao nhất (ĐTB = 3.93 và ĐTB= 3.81), tiếp đến là lí giải về yêu cầu và giới hạn (ĐTB lần lượt là 3.66 và 3.59) và cuối cùng là công nhận các cảm nhận của con (ĐTB lần lượt là 3.52 và 3.49). Điều này cho thấy sự thống nhất giữa cha và mẹ có cách nuôi dạy con ủng hộ tính tự chủ. Tuy nhiên, kết quả cũng cho thấy giá trị trung bình ở chỉ số cho phép con “Lựa chọn có giới hạn” và “Lí giải về yêu cầu và giới hạn” của cha và mẹ đều được đánh giá cao hơn đáng kể so với chỉ số “Chấp nhận các cảm nhận” của con. Như vậy, mặc dù cha mẹ có xu hướng ủng hộ tính tự chủ của con nhưng vẫn tập trung nhiều hơn vào mặt lí tính, nhận thức hơn là hiểu và chấp nhận cảm xúc của con.

Ở chỉ báo cho phép con “Lựa chọn có giới hạn”, có thể thấy cha và mẹ có kết quả khá thống nhất. Ở cả cha và mẹ, mệnh đề có ĐTB cao nhất là “Cha mẹ cho phép tôi tự do lựa chọn việc mà tôi muốn làm trong những giới hạn nhất định” (ĐTB lần lượt là 3.97 và 4.09) và thấp nhất là “Cha mẹ coi trọng quan điểm của tôi khi cha mẹ đưa ra những quyết định quan trọng liên quan đến tôi” (ĐTB lần lượt là 3.63 và 3.74). Có thể nói, việc cho phép con lựa chọn và quyết định những việc liên quan đến cá nhân của con là một bước tiến khá lớn trong sự thay đổi nhận thức của cha mẹ về quyền lực đối với con. Mặc dù vậy, có thể thấy ở mức độ nào đó, khi những mong muốn và lựa chọn của con không phù hợp hoặc thống nhất với những mong muốn của cha mẹ, cha mẹ vẫn chưa thực sự hoàn toàn ủng hộ con đưa ra sự lựa chọn phù hợp với sở thích của mình. Đây là kết quả đáng để lưu tâm.

Ở chỉ báo “Lí giải về các yêu cầu và giới hạn” cho thấy có sự khác biệt giữa cha và mẹ. Mệnh đề có giá trị trung bình cao nhất ở mẹ là “Khi tôi không được cha mẹ cho phép làm gì đó, tôi thường được cha mẹ cho biết lí do tại sao” và “Mẹ luôn muốn tôi hiểu lí do tại sao mẹ lại cảm đoán tôi một số việc” (ĐTB = 3.71) và thấp nhất là “Khi tôi hỏi tại sao tôi phải làm hay không làm gì đó, mẹ cho tôi biết những lí do thực sự” (ĐTB = 3.59), trong khi đó mệnh đề có giá trị trung bình cao nhất ở cha là “Khi yêu cầu tôi làm điều gì đó, cha thường giải thích tại sao cha muốn tôi làm vậy” (ĐTB = 3.64) và thấp nhất là “Khi tôi hỏi tại sao tôi phải làm hay không làm gì đó, cha cho tôi biết những lí do thực sự” (ĐTB = 3.52). Như vậy, có thể thấy trong cách nuôi dạy con, cha mẹ đã khá “dân chủ” với con, cho con biết rõ những lí do khi cha mẹ muốn con phải làm hoặc không được làm gì đó. Trong bối cảnh khách thể nghiên cứu là SV, điều này có thể dễ dàng lí giải bởi SV là những người đã trưởng thành về mặt nhận thức và nhu cầu độc lập, cha mẹ không thể áp đặt SV làm hoặc không làm gì nếu không giải thích rõ lí do hoặc nguyên nhân.

Ở chỉ báo liên quan đến sự ủng hộ tính tự chủ là “Chấp nhận các cảm nhận” của con, việc thấu hiểu và chấp nhận các cảm nhận của con (the child's feelings) có ý nghĩa đặc biệt trong việc giúp cha mẹ rút ngắn khoảng cách để có sự kết nối sâu sắc với con. Ở khía cạnh này, cả cha và mẹ có kết quả đánh giá khá thống nhất. Mệnh đề có ĐTB cao nhất là “Cha mẹ khuyến khích tôi sống là chính mình” (ĐTB lần lượt là 3.85 và 3.88) và thấp nhất là “cha mẹ có thể đặt mình vào vị trí của tôi và hiểu được cảm nhận của tôi” (ĐTB lần lượt là 3.14 và 3.23). Đây cũng là mệnh đề duy nhất trong các mệnh đề liên quan đến sự ủng hộ tính tự chủ của cha mẹ đối với con được SV đánh giá ở mức độ “đồng ý ở một mức nào đó”. Điều này chứng tỏ, mặc dù cha mẹ có xu hướng mong muốn con sống là chính mình nhưng vẫn chưa thể hoàn toàn đặt mình vào vị trí của con để đồng cảm và chấp nhận cảm nhận của con như chính bản thân con.

2.3.3. Mức độ kiểm soát tâm lí của cha mẹ đối với con

Bảng 3. Kết quả thống kê mức độ kiểm soát tâm lí của cha mẹ đối với con

Nội dung	Mẹ		Cha	
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Đe dọa trừng phạt	2.58	1.060	2.51	1.094
Khi tôi từ chối làm gì đó, cha mẹ dọa sẽ lấy đi một số quyền lợi để khiến tôi làm điều đó	2.78	1.291	2.55	1.251
Tôi thường làm theo những gì mà cha mẹ muốn tôi làm vì nếu không thì cha mẹ sẽ lấy đi quyền lợi nào đó của tôi	2.53	1.228	2.47	1.218
Khi cha mẹ muốn tôi làm gì đó, nếu tôi không vâng lời, tôi sẽ bị phạt	2.61	1.226	2.57	1.197
Ngay khi tôi làm không đúng như những gì cha mẹ muốn, cha mẹ sẽ đe dọa hoặc trừng phạt tôi	2.41	1.319	2.48	1.247
Chỉ trích gây cảm giác tội lỗi	2.70	1.106	2.49	1.106
Khi cha mẹ muốn tôi làm một điều gì đó khác đi, cha mẹ thường khiến tôi cảm thấy có lỗi	2.67	1.270	2.46	1.218
Cha mẹ khiến tôi cảm thấy có lỗi về một số điều tôi làm mà không đúng ý cha mẹ	3.09	1.281	2.59	1.276
Khi cha mẹ muốn tôi hành động khác đi, cha mẹ thường khiến tôi cảm thấy xấu hổ để làm tôi thay đổi	2.58	1.286	2.49	1.228
Cha mẹ kiểm soát tôi bằng cách làm tôi cảm thấy có lỗi	2.46	1.288	2.43	1.277
Gây áp lực về thành tích	2.99	0.929	3.02	1.014
Cha mẹ không chấp nhận việc tôi chỉ đơn giản là muốn được vui vẻ mà không cần phải cố trở thành giỏi nhất	2.90	1.261	2.88	1.274
Cha mẹ tôi tin rằng, để thành công, tôi luôn phải là tốt nhất trong bất cứ việc gì	3.23	1.178	3.20	1.216
Để cha mẹ có thể tự hào về tôi, tôi phải là người giỏi nhất	3.27	1.230	3.29	1.260
Cha mẹ nhất quyết rằng tôi phải luôn tốt hơn người khác	2.56	1.321	2.69	1.294

Đối với cách nuôi dạy con mang tính kiểm soát tâm lí, kết quả nghiên cứu ở bảng 3 cho thấy, trong 3 cách: đe dọa trừng phạt, chỉ trích gây cảm giác có lỗi, gây áp lực về thành tích thì cả mẹ và cha có xu hướng gây áp lực về thành tích cho con (ĐTB lần lượt là 2.99 và 3.02). Trong khi đó, đối với 2 cách còn lại, người mẹ có xu hướng chỉ trích gây ra cảm giác có lỗi (ĐTB = 2.70) trái ngược với người cha, sử dụng cách thức đe dọa trừng phạt (ĐTB = 2.51). Một điều đáng lưu ý là tất cả các mệnh đề ở khía cạnh này đều có giá trị trung bình từ 2.41 đến 3.29, đồng nghĩa với việc SV đồng ý rằng cha mẹ mặc dù có xu hướng ủng hộ tính tự chủ của con nhưng một phần nào đó vẫn kiểm soát tâm lí của con. Cụ thể như sau:

Khía cạnh “Đe dọa và trừng phạt”: Kiểm soát tâm lí của con bằng cách đe dọa trừng phạt được hiểu là cha mẹ tạo bầu không khí sợ hãi, lo lắng nhằm ép buộc con tuân theo ý muốn của mình (Mageau et al., 2015). Ở khía cạnh này, giá trị trung bình giữa cha và mẹ không có sự khác biệt quá lớn (2.51 và 2.58). Mệnh đề có ĐTB cao nhất ở mẹ

là “Khi tôi từ chối làm gì đó, mẹ dọa sẽ lấy đi một số quyền lợi để khiến tôi làm điều đó” (ĐTB là 2.78) và thấp nhất là “Ngay khi tôi làm không đúng như những gì mẹ muốn, mẹ sẽ đe dọa hoặc trừng phạt tôi” (ĐTB = 2.41); trong khi với người cha, mệnh đề có ĐTB cao nhất là “Khi cha muốn tôi làm gì đó, nếu tôi không vâng lời, tôi sẽ bị phạt” (ĐTB = 2.57) và thấp nhất là: “Tôi thường làm theo những gì mà cha muốn tôi làm vì nếu không thì cha sẽ lấy đi quyền lợi nào đó của tôi” (ĐTB = 2.47).

Ở khía cạnh “Chỉ trích gây cảm giác tội lỗi”, người mẹ có xu hướng sử dụng cách thức này để kiểm soát tâm lý của con nhiều hơn người cha (ĐTB = 2.70 so với 2.49). Mệnh đề có ĐTB cao nhất ở khía cạnh này ở cả cha và mẹ là “Cha mẹ khiến tôi cảm thấy có lỗi về một số điều tôi làm mà không đúng ý cha mẹ” (ĐTB lần lượt là 2.59 và 3.09). Đây là kết quả đáng chú ý, cho thấy một số cha mẹ vẫn còn giữ quan điểm cho rằng, việc con hành động không theo ý mình được coi là một điều sai trái, và con cần cảm thấy có lỗi về điều đó. Tuy nhiên, quan điểm này cần được xem xét lại trong bối cảnh hiện nay, khi quyền tự chủ đã được công nhận là một nhu cầu cơ bản của con người. Đặc biệt, đối với SV - những người trưởng thành trẻ tuổi - họ có quyền thể hiện sự tự quyết trong các vấn đề cá nhân, phù hợp với khả năng và sự phát triển của chính họ.

Gây áp lực thành tích là một trong những cách cha mẹ thể hiện tình yêu có điều kiện đối với con bằng cách yêu cầu con phải đạt được thành công nhất định. Ở khía cạnh này, ĐTB ở cả cha và mẹ đều cao nhất trong các khía cạnh của kiểm soát tâm lý và không có sự khác biệt quá lớn giữa cha và mẹ. Mệnh đề có giá trị trung bình cao nhất ở cả cha và mẹ là “Đề cha mẹ có thể tự hào về tôi, tôi phải là người giỏi nhất” (ĐTB lần lượt là 3.29 và 3.27), tiếp đến là “Cha mẹ tôi tin rằng, để thành công, tôi luôn phải là tốt nhất trong bất cứ việc gì tôi làm” (ĐTB lần lượt là 3.20 và 3.23). Kết quả nghiên cứu này phản ánh thực trạng về nhu cầu, mong đợi của cha mẹ đối với những thành tích của con. Phải khẳng định nhu cầu này là chính đáng, tuy nhiên, nếu dùng nhu cầu này như một cách thức để kiểm soát tâm lý của con có thể tạo ra loại động lực bên ngoài khiến con có nhu cầu về thành tích để đáp ứng nhu cầu của cha mẹ chứ không phải từ những mong muốn thực sự của con. Điều này có thể tạo ra những áp lực rất lớn, gây căng thẳng cho con trong quá trình học tập và làm việc.

2.3.4. Mức độ ủng hộ tính tự chủ của cha mẹ thể hiện qua kết quả so sánh dựa trên các tham số nghiên cứu

Bảng 4. Kết quả so sánh mức độ kiểm soát tâm lý của cha theo giới tính

Nội dung	Giới tính của con	ĐTB	SD	
Cha kiểm soát tâm lý	Nam	2.88	1.012	F= 4.474 Sig = 0.012
	Nữ	2.55	0.925	
	Khác	2.67	0.471	

Bảng 5. Kết quả so sánh mức độ ủng hộ tính tự chủ của cha theo trình độ học vấn

Nội dung	Trình độ của cha	ĐTB	SD	
Cha ủng hộ tính tự chủ	THPT	3.63	0.899	F= 2.701 Sig = 0.046
	Đại học	3.66	0.711	
	Thạc sĩ	3.25	0.867	
	Tiến sĩ	4.96	0.059	

Theo giới tính (bảng 4). Kết quả kiểm nghiệm Anova ở bảng 4 cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa trong sự kiểm soát tâm lý của cha khi so sánh giữa các giới tính của con (Sig = 0.012 < 0.05). Cụ thể, cha có xu hướng kiểm soát tâm lý đối với con trai (ĐTB = 2.88) nhiều hơn con gái (ĐTB = 2.55) và giới tính khác (2.67). Thực tế, trong quá trình nuôi dạy con, cha mẹ Việt Nam nói chung có xu hướng nghiêm khắc hơn với con trai. Các chỉ số còn lại cho thấy mức độ ủng hộ tính tự chủ của cha và mẹ, mức độ kiểm soát tâm lý của mẹ không có sự khác biệt ý nghĩa khi so sánh theo giới tính của con.

Theo trình độ học vấn (bảng 5). Kết quả kiểm nghiệm Anova ở bảng 5 với F= 2.701, Sig = 0.046 < 0.05 cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa trong mức độ ủng hộ tính tự chủ của cha theo trình độ học vấn. Cha có trình độ tiến sĩ có xu hướng ủng hộ tính tự chủ của con cao nhất (với ĐTB = 4.96), tiếp đến là cha có trình độ đại học (ĐTB = 3.66), Trình độ THPT (ĐTB = 3.63) và cuối cùng là cha có trình độ thạc sĩ (ĐTB = 3.25).

Đối với các tham số khác như kết quả học tập của con, nghề nghiệp và nơi sinh sống của cha mẹ, kiểm nghiệm Anova đều cho kết quả Sig > 0.05, điều này có nghĩa là mức độ ủng hộ tính tự chủ hoặc kiểm soát tâm lý của cha mẹ không có sự khác biệt ý nghĩa giữa các tham số này. Cha mẹ làm nghề gì, sinh sống tại đâu hay kết quả học tập của con như thế nào thì mức độ ủng hộ tính tự chủ hoặc kiểm soát tâm lý đối với con đều không có sự khác biệt.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu trên 343 SV cho thấy, cha mẹ có xu hướng ủng hộ tính tự chủ của con hơn kiểm soát tâm lý. Đối với cách nuôi dạy con có sự ủng hộ tính tự chủ, ở cả cha và mẹ, cho phép con có cơ hội được lựa chọn trong giới

hạn cho phép là cách nuôi dạy con được đánh giá cao nhất tiếp đến là lí giải về yêu cầu và giới hạn và cuối cùng là công nhận các cảm nhận của con. Đối với cách nuôi dạy con mang tính kiểm soát tâm lí, trong 3 cách đe dọa trừng phạt, chỉ trích gây cảm giác có lỗi, gây áp lực về thành tích thì cả mẹ và cha có xu hướng gây áp lực về thành tích cho con; người mẹ có xu hướng chỉ trích gây ra cảm giác có lỗi, trái ngược với người cha, sử dụng cách thức đe dọa trừng phạt. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, cha có xu hướng kiểm soát tâm lí đối với con trai nhiều hơn con gái và con có giới tính khác; cha có trình độ tiến sĩ có mức độ ủng hộ tính tự chủ của con cao nhất, trong khi cha có trình độ thạc sĩ lại có mức độ ủng hộ thấp nhất ở nội dung này.

Quyền tự chủ là nhu cầu tâm lí cơ bản của con người và là yếu tố quan trọng để đạt được sự hạnh phúc, động lực và hiệu quả trong cuộc sống. Chính vì vậy, việc xây dựng một môi trường trong đó các mối quan hệ xã hội (gia đình, bạn bè, nhà trường, cộng đồng...), đặc biệt là cha mẹ tạo điều kiện thúc đẩy động lực tự quyết của con là điều đặc biệt quan trọng, giúp trẻ em và thanh niên phát triển khả năng tự chủ, tự tin vào quyết định của mình, đồng thời cảm nhận được sự hỗ trợ và tin tưởng từ những người xung quanh. Cha mẹ và người lớn đóng vai trò là những người đồng hành, hướng dẫn thay vì kiểm soát, giúp con học cách chịu trách nhiệm với các lựa chọn cá nhân và dẫn đường thành trong việc đưa ra những quyết định quan trọng trong cuộc sống. Điều này không chỉ thúc đẩy sự phát triển cá nhân mà còn góp phần xây dựng một thể hệ tự lập, sáng tạo và có khả năng thích nghi tốt với môi trường xã hội đầy biến động, khi họ biết cách tự định hướng hành trình của mình dựa trên nhu cầu và giá trị nội tại. Kết quả nghiên cứu này mở ra góc nhìn về cách thức nuôi dạy, ứng xử với con của cha mẹ, đồng thời là cơ sở cho những nghiên cứu sâu hơn nhằm xây dựng các giải pháp làm tăng sự ủng hộ tính tự chủ của cha mẹ đối với con, đáp ứng nhu cầu tự chủ nhằm thúc đẩy sự thành công và hạnh phúc của SV - tương lai của xã hội và mỗi quốc gia.

Tài liệu tham khảo

- Barber, B. K. (1996). Parental psychological control: Revisiting a neglected construct. *Child Development*, 67(6), 3296-3319.
- Chirkov, V. I., & Ryan, R. M. (2001). Parent and teacher autonomy-support in Russian and U.S. adolescents: Common effects on well-being and academic motivation. *Journal of Cross-Cultural Psychology*, 32(5), 618-635.
- Grolnick, W. S., & Pomerantz, E. M. (2009). Issues and challenges in studying parental control: Toward a new conceptualization. *Child Development Perspectives*, 3(3), 165-170.
- Mageau, G. A., Ranger, F., Joussemet, M., Koestner, R., Moreau, E., & Forest, J. (2015). Validation of the perceived parental autonomy support scale (P-PASS). *Canadian Journal of Behavioural Science/Revue Canadienne des Sciences du Comportement*, 47(3), 251-262.
- Roth, G., Assor, A., Niemiec, C. P., Ryan, R. M., & Deci, E. L. (2009). The emotional and academic consequences of parental conditional regard: Comparing conditional positive regard, conditional negative regard, and autonomy support as parenting practices. *Developmental Psychology*, 45(4), 1119-1142.
- Ryan, R. M., & Deci, E. L. (2000). Self-determination theory and the facilitation of intrinsic motivation, social development, and well-being. *American Psychologist*, 55(1), 68-78. <https://doi.org/10.1037/0003-066X.55.1.6>
- Saïb, N., Joussemet, M., Cavenaghi, A., Robichaud, J. M., Geneviève A. M., & Koestner, R. (2024). Parental autonomy support and child psychosocial adjustment: examining the role of cultural hierarchy. *International Journal of Child, Youth and Family Studies*, 15(2), 1-31.
- Šakan, D., Žuljević, D., & Rokvić, N. (2020). *The Role of Basic Psychological Needs in Well-Being During the COVID-19 Outbreak: A Self-Determination Theory Perspective*. Public Health.
- Van der Kaap-Deeder, J., Vansteenkiste, M., Soenens, B., & Mabbe, E. (2017). Children's daily well-being: The role of mothers', teachers', and siblings' autonomy support and psychological control. *Developmental Psychology*, 53(2), 237-251.
- Van Petegem, S., Vansteenkiste, M., & Beyers, W. (2013). The jingle-jangle fallacy in adolescent autonomy in the family: In search of an underlying structure. *Journal of Youth and Adolescence*, 42(7), 994-1014.
- Vasquez, A. C., Patall, E. A., Fong, C. J., Corrigan, A. S., & Pine, L. (2016). Parent autonomy support, academic achievement, and psychosocial functioning: A metaanalysis of research. *Educational Psychology Review*, 28(3), 605-644.
- Zamzami, Z., & Corinne, J. (2019). Exploring students' competence, autonomy and relatedness in the flipped classroom pedagogical model. *Journal of Further and Higher Education*, 43(1), 1-12.